TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **01**/2024/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 11 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 02/2024/TLST-VDS ngày 22 tháng 02 năm 2024, về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

1. Anh Cao Đình D, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn B, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Mạch Thị T, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Đình D và chị Mạch Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện quyết định. Anh, chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 69, ngày 30 tháng 12 năm 2003.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống. Sau khi mâu thuẫn xảy ra hai bên gia đình nội ngoại cũng đã động viên hòa giải nhiều lần nhưng tình trạng mâu thuẫn gia đình vẫn không thể cải thiện được, anh và chị không thể hàn gắn được tình cảm dẫn đến mất niềm tin với nhau, tình cảm không còn và đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Anh và chị mỗi người ở mỗi nơi, không liên lạc, không quan tâm và bỏ mặc nhau trong thời gian dài.

Anh D và chị T đều xác định vợ chồng tình cảm dành cho nhau không còn, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, mục đích xây dựng gia đình hòa

thuận hạnh phúc không đạt được nên anh D và chị T thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Cao Đình D và chị Mạch Thị T thống nhất: Vợ chồng có 03 con chung là Cao Đình H, sinh ngày 20/11/2004, Cao Đình Minh M, sinh ngày 20/4/2007 và Cao Thị Kim O, sinh ngày 26/9/2009.

Anh D và chị T thống nhất: Cháu Cao Đình H đã thành niên và tự lập cuộc sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con là Cao Đình Minh M và Cao Thị Kim O.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Anh Cao Đình D và chị Mạch Thị T thỏa thuận: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Cao Đình D và chị Mạch Thị T thỏa thuận: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Xét thấy: Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 01 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Cao Đình D và chị Mạch Thị T.

1.2. Về con chung: Anh Cao Đình D và chị Mạch Thị T công nhận vợ chồng có 03 con chung là Cao Đình H, sinh ngày 20/11/2004, Cao Đình Minh M, sinh ngày 20/4/2007 và Cao Thị Kim O, sinh ngày 26/9/2009.

Anh Cao Đình D và chị Mạch Thị T tự nguyện thỏa thuận giao 02 cháu Cao Đình Minh M và Cao Thị Kim O cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Cao Đình H đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Anh Cao Đình D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Anh Cao Đình D và chị Mạch Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Mạch Thị T tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0002950 ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Chấp nhận chị Mạch Thị T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã C, huyện N;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Xuân Tuyên